



BÁO CÁO PHÂN TÍCH DOANH NGHIỆP

NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

ABB – UPCOM

Phân tích bởi
Trung tâm nghiên cứu

 **(+84) 24 3926 0099**

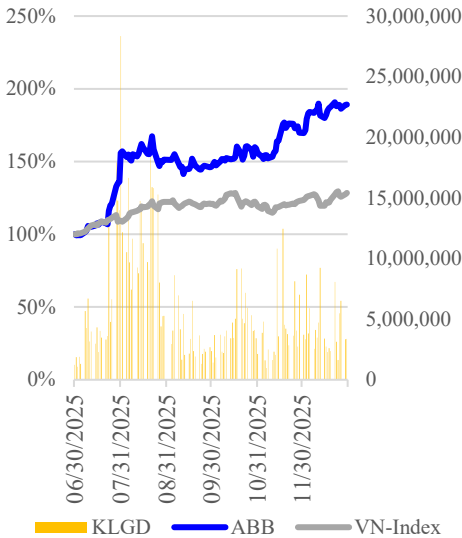
 **ttnc@vncsi.com.vn**



Ngày thực hiện: 31/12/2025

Khuyến nghị	MUA
Giá hiện tại	16,100
Giá mục tiêu	20,000
Upside	24.2%
Thời gian nắm giữ	12 tháng
Cổ tức	0%
Tỷ suất cổ tức	0%

Biến động giá ABB & VN-Index 6 tháng



Thông tin cơ bản của cổ phiếu

SLCP Niêm yết	1,035,036,762
Vốn hóa (tỷ VND)	16,457
Khoảng giá 52 tuần	6,100đ – 16,200đ
Giá trị khớp lệnh bình quân 20 phiên (tỷ VND)	66.2
Tỷ lệ sở hữu nhà nước	0.00%
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	16.49%

Chỉ số tài chính

Năm	2023	2024	Q3/2025
EPS	438	535	1,997
BVPS	13,023	13,550	15,302
PE	16.26	29.52	7.92
PB	0.55	1.17	1.03
ROE%	3.42%	4.26%	13.87%
ROA%	0.31%	0.35%	1.07%

Nguồn: Fiin, CSI Research

Chỉ tiêu tài chính (tỷ VND)

Chỉ tiêu	2023	2024	Q3/2025 (TTM)	2025F
Thu nhập lãi thuần	2,758	3,035	4,794	4,879
%YoY	-26.7%	10.0%	67.7%	60.8%
Tổng thu nhập hoạt động	4,336	4,521	6,563	7,275
%YoY	-3.3%	4.3%	67.4%	60.9%
Lợi nhuận sau thuế	454	586	2,067	2,389

Nguồn: ABB, CSI Research

Điểm nhấn đầu tư

NIM cải thiện đáng kể nhờ gia tăng tỷ suất sinh lời của tài sản trong khi hạn chế được mức tăng của chi phí huy động

Nhờ mặt bằng lãi suất cho vay bình quân được cải thiện, biên lãi ròng (NIM) của ABB trong quý II và quý III/2025 mở rộng đáng kể, tăng lần lượt 23 bps và 32 bps so với cùng kỳ. Động lực chính đến từ việc lợi suất tài sản sinh lời cải thiện tích cực, trong khi chi phí vốn được kiểm soát chặt chẽ, chỉ tăng thêm 12 bps và 16 bps. Trong 9 tháng đầu năm, cơ cấu khách hàng cá nhân được định vị là trọng tâm trong chiến lược tăng trưởng tín dụng, đóng góp tỷ trọng lớn vào dư nợ cho vay. Nhờ các yếu tố trên, lợi nhuận sau thuế lũy kế đến quý III/2025 của ABB đạt 2,319 tỷ đồng, cao gấp 9.7 lần so với cùng kỳ năm 2024.

Nợ xấu trên đà đi xuống, giảm áp lực trích lập dự phòng

Tính đến quý III/2025, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng ở mức 2.63%, giảm đáng kể so với 3.2% cùng kỳ năm 2024 và tiếp tục đi xuống kể từ vùng đỉnh 3.7% ghi nhận vào quý IV/2022. Trong bối cảnh nợ xấu được cải thiện nhưng ngân hàng vẫn duy trì trích lập dự phòng, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đã lần đầu tiên vượt mốc 60% kể từ năm 2020 cho thấy bộ đệm rủi ro được củng cố rõ rệt. Động lực chính đến từ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng cá nhân cùng với xu hướng giảm nợ xấu ở phân khúc SME sẽ giúp ngân hàng giảm bớt áp lực trích lập dự phòng trong năm tới.

CIR cải thiện đáng kể, gia tăng tỷ trọng trái phiếu trong cơ cấu tài sản

Nền tảng Ngân hàng số thế hệ mới nằm trong chiến lược chuyển đổi số của ABB được triển khai trong năm 2025 đã giúp số lượng giao dịch online của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp trong 11 tháng đầu năm tăng lần lượt 49% và 20% so với cùng kỳ 2024. Nhờ tối ưu hóa mạnh chi phí hoạt động, chỉ số CIR đã được kéo về quanh mức 33%, thấp hơn đáng kể so với vùng 40–50% giai đoạn 2020–2024 sẽ tạo dư địa đáng kể cho tăng trưởng lợi nhuận của ngân hàng trong các năm tới.

Rủi ro đầu tư:

Trong bối cảnh thị trường khát vốn, với quy mô là ngân hàng nhỏ, ABB nhiều khả năng sẽ phải nâng mức lãi suất huy động cao hơn so với các nhà băng khác để cải thiện mức độ cạnh tranh. Qua đó, khiến rủi ro chi phí đầu vào gia tăng hiện hữu, ảnh hưởng tới thu nhập lãi thuần của ngân hàng.

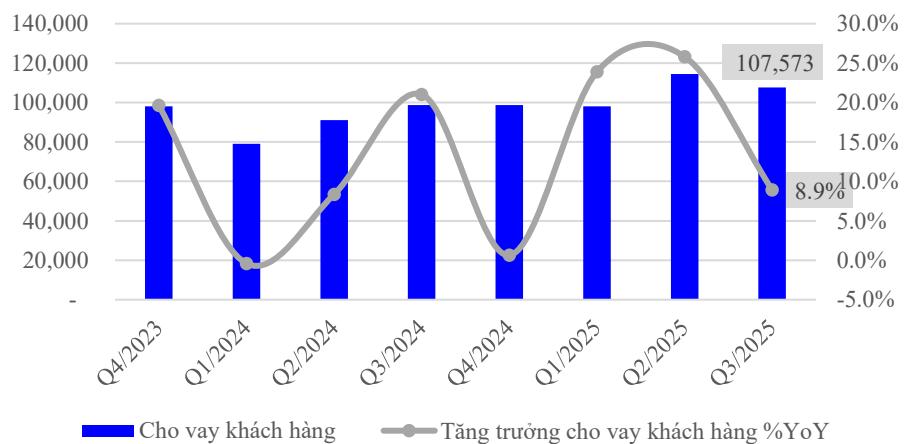
Biến động từ thu nhập hoạt động dịch vụ và thu nhập từ hoạt động khác khiến cho lợi nhuận của ABB tương đối kém ổn định.

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG ABB

Cho vay khách hàng cá nhân trở thành động lực tăng trưởng dư nợ tín dụng

Tính tới quý III/2025, tổng tài sản của ngân hàng đạt 204,576 tỷ đồng, tăng 24.6% so với cùng kỳ và tăng 15.8% kể từ đầu năm, trong đó tài sản sinh lãi đạt 201,476 nghìn tỷ, tăng 26.2% so với cùng kỳ và tăng 15.8% kể từ đầu năm. Dư nợ tín dụng duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực ở mức 8.9% so với cùng kỳ, tập trung ở phân khúc khách hàng cá nhân nhờ lãi suất cho vay ở mức ưu đãi, cùng với những giải pháp tài chính số tích hợp dành riêng cho hộ kinh doanh đã trở thành điểm sáng cạnh tranh so với các nhà băng khác.

Dư nợ cho vay khách hàng và tốc độ tăng trưởng tín dụng

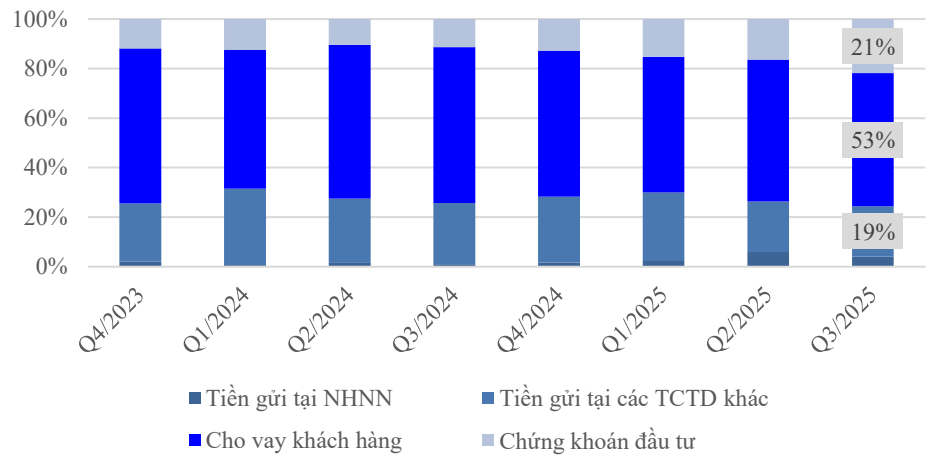


Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Phân bổ tỷ trọng lớn hơn vào chứng khoán đầu tư

Cơ cấu tài sản sinh lời trong quý III/2025 ghi nhận cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất (53%), theo sau lần lượt là chứng khoán đầu tư (21%), tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (19%). Trong đó, chứng khoán đầu tư ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 99.9% so với cùng kỳ năm 2024, đưa tỷ trọng từ mức 12% lên 21% trong cơ cấu tài sản sinh lời. Chứng khoán đầu tư chủ yếu là trái phiếu Chính phủ và trái phiếu của các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng.

Cơ cấu tài sản sinh lời theo hướng gia tăng tỷ trọng Chứng khoán đầu tư

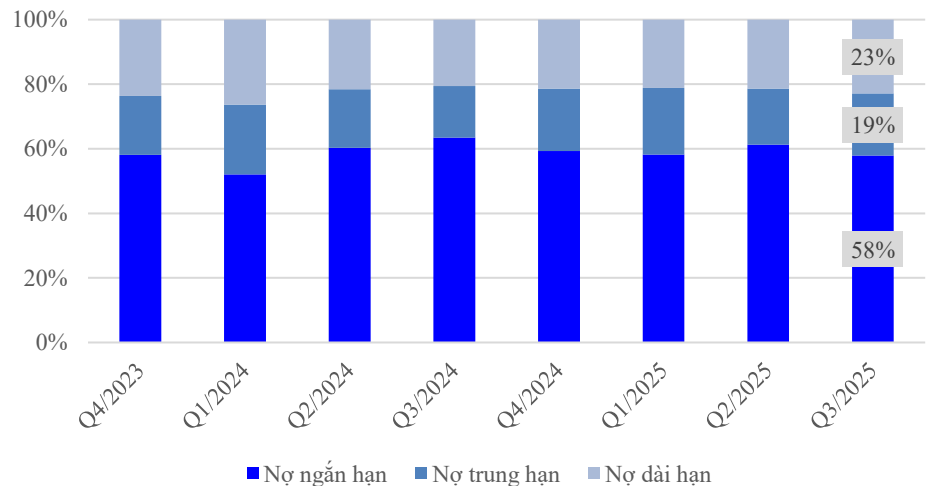


Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Cho vay ngắn hạn vẫn là kim chỉ nam dư nợ tín dụng của ABB

Trong cơ cấu cho vay khách hàng, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 62,277 tỷ đồng (58%), tiếp theo là nợ dài hạn 24,590 tỷ đồng (23%) và nợ trung hạn 20,706 tỷ đồng (19%). Việc tỷ lệ cho vay ngắn hạn trong cơ cấu cho vay khách hàng thường xuyên được duy trì quanh ngưỡng 60% cho thấy ABB ưu tiên và tập trung cho vay nguồn vốn quy mô thấp, phục vụ nhu cầu vay vốn lưu động của hộ kinh doanh cùng với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

ABB tập trung ưu tiên cho vay vốn ngắn hạn

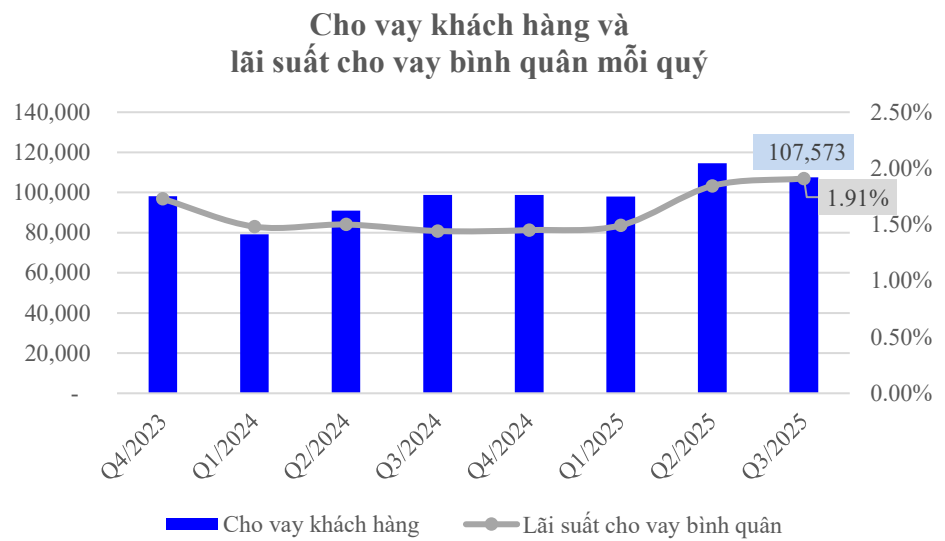


Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Lãi suất cho vay bình quân cải thiện rõ rệt

Lãi suất cho vay khách hàng bình quân có xu hướng giảm dần từ Q4/2023 và chỉ đạt quanh ngưỡng 1.5%/quý, phản ánh xu hướng cắt giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo chỉ thị của Chính phủ. Chúng tôi cho rằng với vị thế là một ngân hàng quy mô nhỏ, ABB chủ động giảm lãi suất sẽ giữ được thị phần khách hàng, đồng thời duy trì năng lực cạnh tranh trên thị trường cho vay.

Tuy nhiên lãi suất cho vay khách hàng có dấu hiệu cải thiện trở lại trong 2 quý gần nhất, đạt lần lượt 1.85% và 1.91% trong khi tín dụng vẫn tăng trưởng cho thấy những chiến lược đúng đắn nhắm vào tệp khách hàng trọng tâm.

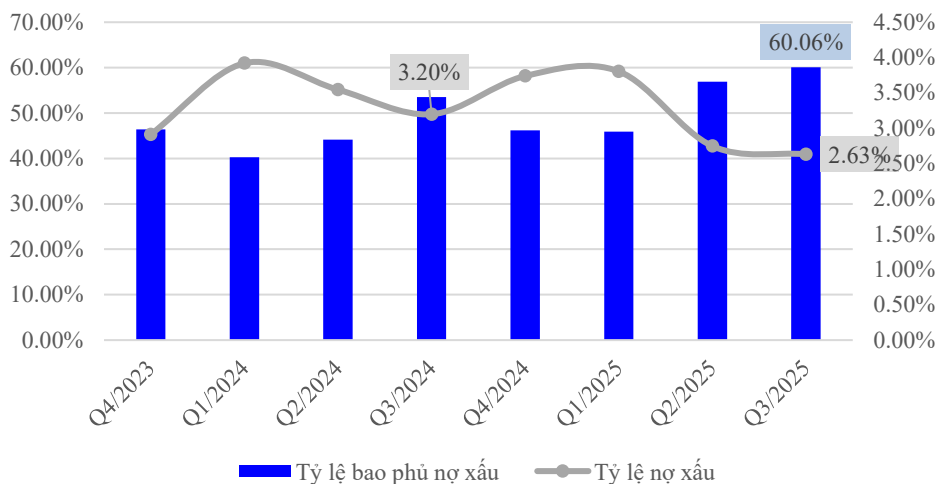


Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Nợ xấu đã và đang bước vào xu hướng giảm

Tính đến hết quý III/2025, nợ xấu (bao gồm nợ nhóm 3, 4, 5) của ABB đạt 2,830 tỷ đồng, giảm 10.4% so với cùng kỳ năm 2024 và chỉ chiếm 2.63% tổng dư nợ, thấp hơn đáng kể so với con số 3.20% trong quý III/2024. Mức giảm lớn nhất được ghi nhận ở nợ nhóm 3 và nợ nhóm 4, trong khi nợ nhóm 5 tăng nhẹ.

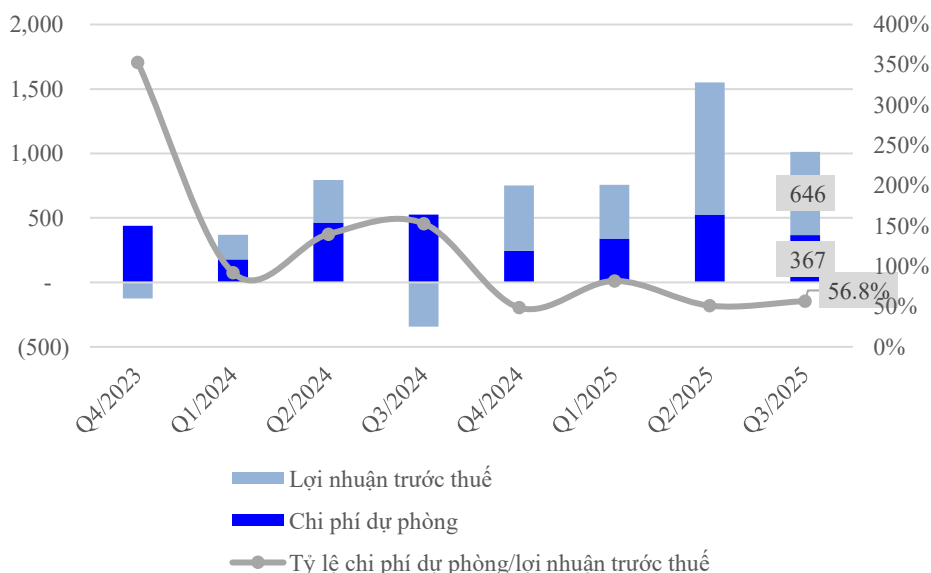
Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm giúp cải thiện LLR



Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Tỷ lệ nợ xấu về mức thấp nhất kể từ quý III/2022 – thời điểm trước khi xu hướng nợ xấu toàn ngành ngân hàng gia tăng. Dự phòng nợ xấu được bù đắp bởi chi phí trích lập, giữ vững quanh mốc 1,700 tỷ đồng/năm là yếu tố giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu lần đầu tiên vượt trở lại mức trên 60% (60.06%) sau 06 năm, kể từ quý III/2019. Bên cạnh đó, nhờ yếu tố ổn định hoạt động kinh doanh và bộ đệm dự phòng cải thiện so với các quý trước, chi phí dự phòng của ABB ở quanh mức bằng khoảng 1/3 so với lợi nhuận trước dự phòng trong hai quý trở lại đây.

Chi phí dự phòng ổn định ở mức 1/3 lợi nhuận trước dự phòng



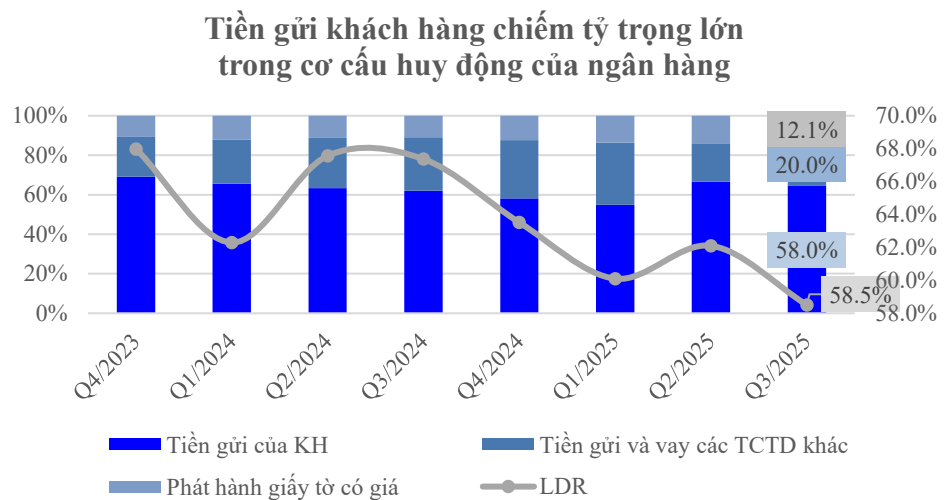
Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Việc nợ xấu sụt giảm trong khi bộ đệm dự phòng giữ vững được kỳ vọng sẽ giúp cắt giảm chi phí trích lập vốn đã chiếm tỷ trọng lớn trong cấu phần chi phí của ngân hàng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh tín dụng tiếp tục đà

tăng, việc cắt giảm tỷ lệ nợ xấu cho thấy khả năng kiểm soát tốt chất lượng danh mục cho vay của ABB.

Huy động tăng trưởng tích cực, bàn đạp đẩy mạnh dư nợ tín dụng trong năm 2026

Hết quý III/2025, tổng cộng huy động bao gồm tiền gửi khách hàng, tiền gửi & vay các tổ chức tín dụng khác và phát hành giấy tờ có giá đạt 184,215 tỷ đồng, tăng 25.3% so với cùng kỳ, đưa tỷ lệ cho vay/tiền gửi (LDR) hạ xuống chỉ còn 58.5%, thấp hơn đáng kể so với mức trần 85% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trong cơ cấu nguồn vốn huy động, tiền gửi khách hàng dẫn đầu với tỷ lệ 58%, theo sau lần lượt là tiền gửi & vay các tổ chức tín dụng khác (20%) và giấy tờ có giá (12%).



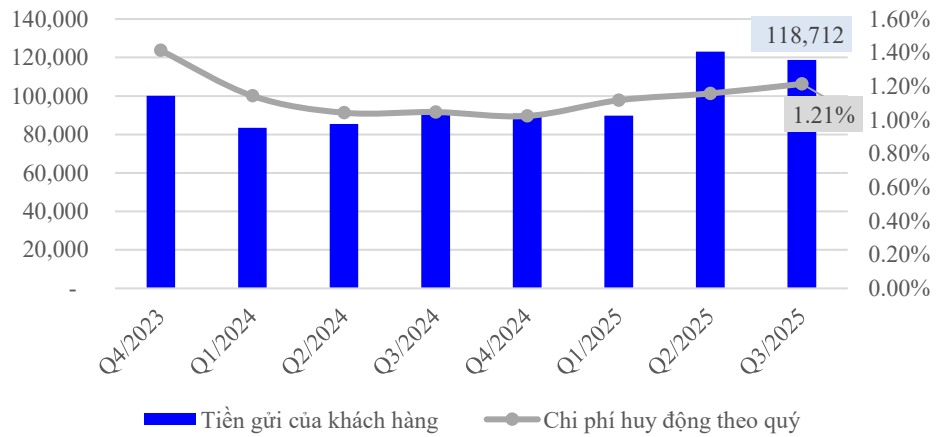
Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Tỷ lệ LDR ở mức thấp tạo dư địa lớn để ABB đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong năm 2026, đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận trong những quý tiếp theo.

Lãi suất huy động bình quân nhích nhẹ, nhưng vẫn được giữ ở mức nền thấp

Nhắc đến đóng góp vào tăng trưởng lợi nhuận của ABB, ngoài mức cải thiện mạnh mẽ của lãi suất cho vay bình quân phải kể tới khả năng giữ vững chi phí huy động vốn (COF) ổn định ở vùng nền thấp. Chỉ số COF trong quý II/2025 và quý III/2025 ở mức 1.16% và 1.21%, chỉ tăng nhẹ lần lượt 0.12% và 0.19% so với cùng kỳ.

**Chi phí huy động tăng nhẹ so với cùng kỳ
nhưng vẫn ở mức nền thấp trong nhiều năm**

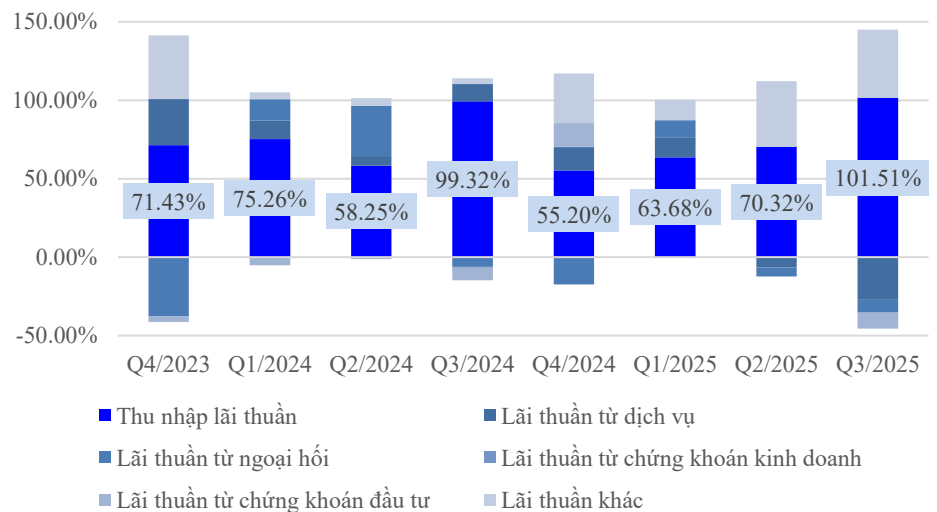


Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

**Thu nhập lãi thuần đóng vai trò cốt lõi trong cơ cấu thu nhập hoạt động,
tuy nhiên tỷ trọng từng mảng biến động mạnh theo quý**

Thu nhập lãi thuần là mảng thu chính của ABB khi luôn chiếm lớn hơn 50% tỷ trọng tổng thu nhập hoạt động, đặc biệt tăng lên mức 101.5% trong quý III/2025 trong bối cảnh ngân hàng chịu lỗ thuần từ dịch vụ và chứng khoán đầu tư. Với bản chất là một ngân hàng quy mô nhỏ, ABB sở hữu mức độ biến động nhất định trong cơ cấu thu nhập, khác biệt hoàn toàn so với sự ổn định thường thấy ở các ngân hàng có quy mô tài sản lớn.

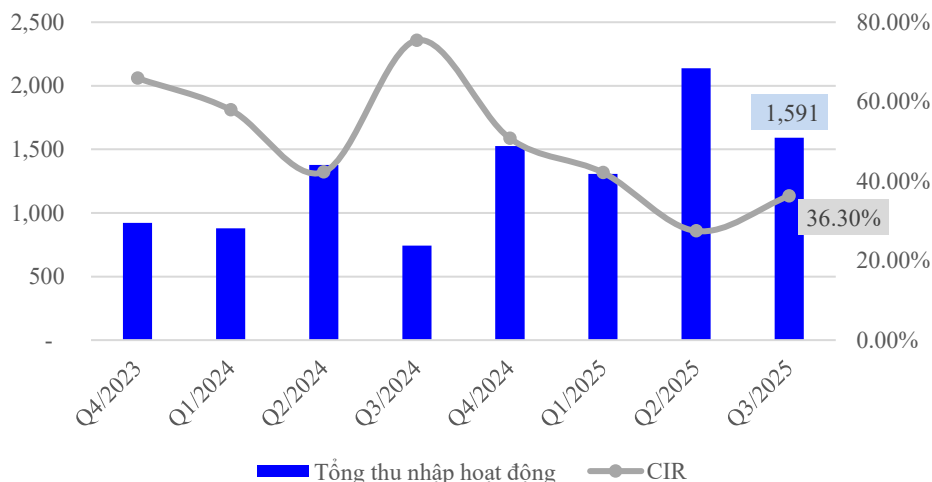
**Thu nhập lãi thuần luôn giữ vai trò là nguồn thu chính
của ngân hàng**



Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

Tổng thu nhập hoạt động trong quý III/2025 đạt 1,591 tỷ đồng, tăng 114% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm đạt 5,036 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ trong khi chi phí hoạt động được tối ưu là yếu tố giúp chỉ số CIR giảm về 36%, cải thiện đáng kể so với cùng kỳ.

Chuyển đổi số đẩy mạnh, chi phí hoạt động tối ưu



Nguồn: ABB, CSI tổng hợp

TRIỂN VỌNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG

NIM được kỳ vọng tích cực trong bối cảnh cải thiện lãi suất cho vay bình quân, bù đắp cho mức tăng chi phí huy động

Lợi suất trên tài sản sinh lời trong quý II/2025 và quý III/2025 đạt 1.85% và 1.91%, tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt 35 bps và 47 bps so với cùng kỳ, đóng góp bởi sự gia tăng của lãi vay bình quân trong khi chi phí vốn được kiểm soát ở mức 1.16% và 1.21%, chỉ cao hơn 12 bps và 16 bps so với cùng kỳ. Chúng tôi cho rằng NIM của ABB trong những quý tiếp theo sẽ tiếp tục xu hướng cải thiện khi mức tăng lãi suất đầu ra hoàn toàn có khả năng bù đắp được phần tăng của lãi suất đầu vào.

Cơ cấu khách hàng cá nhân trở thành kim chỉ nam dư nợ cho vay của ngân hàng khi đóng góp phần lớn vào tốc độ tăng trưởng tín dụng trong 9 tháng đầu năm. Nhờ những yếu tố trên, lợi nhuận sau thuế của ABB tính đến quý III/2025 ở mức 2,319 tỷ đồng, gấp 9.7 lần so với cùng kỳ năm 2024.

Nợ xấu trên đà đi xuống, giảm áp lực trích lập dự phòng

Tính đến thời điểm quý III/2025, nợ xấu đạt 2.63%, thấp hơn đáng kể so với mức 3.2% cùng kỳ năm 2024 và vẫn đang trên đà giảm kể từ khi đạt đỉnh ở 3.7% vào thời điểm quý IV/2024. Việc nợ xấu suy giảm trong khi ngân hàng vẫn thực hiện trích lập dự phòng là những yếu tố giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu có lần đầu tiên vượt 60% kể từ thời năm 2020. Dư nợ từ cho vay cá nhân tăng trưởng mạnh, đồng thời nợ xấu từ cho vay nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ trên đà đi xuống sẽ giúp ngân hàng giảm bớt áp lực trích lập dự phòng trong năm tới.

CIR cải thiện đáng kể nhờ điểm sáng chuyển đổi số

Nền tảng ngân hàng số thế hệ mới ABBANK cùng với những tính năng nổi bật hướng đến đối tượng khách hàng trẻ và gia đình giúp số lượng

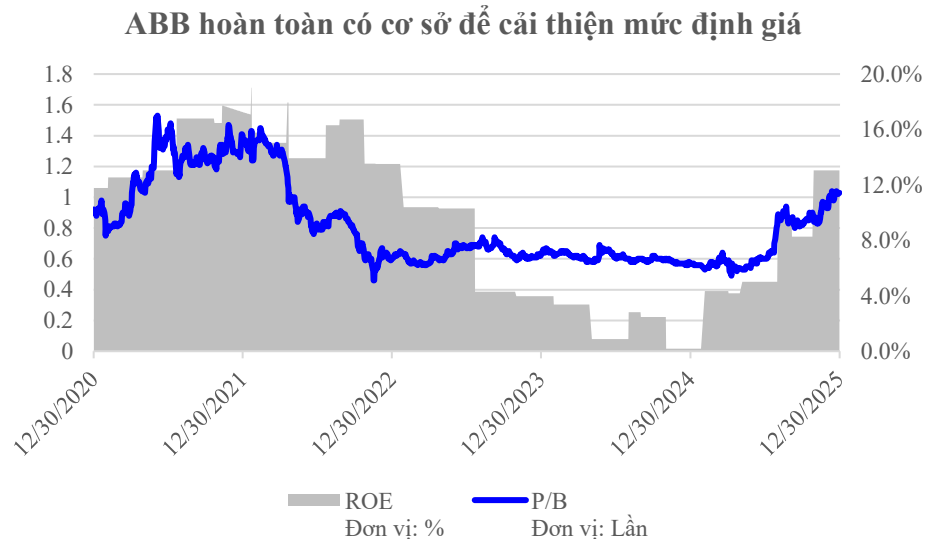
giao dịch online của khách hàng cá nhân trong 11 tháng năm 2025 tăng trưởng 49% so với cùng kỳ năm 2024. Ở mảng khách hàng doanh nghiệp, ABBANK Business tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng, nâng cao trải nghiệm khách hàng và giảm thời gian xử lý, đưa số lượng giao dịch của khách hàng doanh nghiệp trong 11 tháng năm 2025 tăng lên 20% so với cùng kỳ.

Nhờ áp dụng chiến lược chuyển đổi số đúng đắn, chi phí hoạt động được tối ưu hóa mạnh mẽ, đưa CIR về quanh ngưỡng 33%, (so với 40 – 50% trong giai đoạn 2020 – 2024) và kỳ vọng tiếp tục được tối ưu, qua đó đóng góp không nhỏ vào biên độ tăng trưởng lợi nhuận của ngân hàng trong những năm tới.

ĐỊNH GIÁ

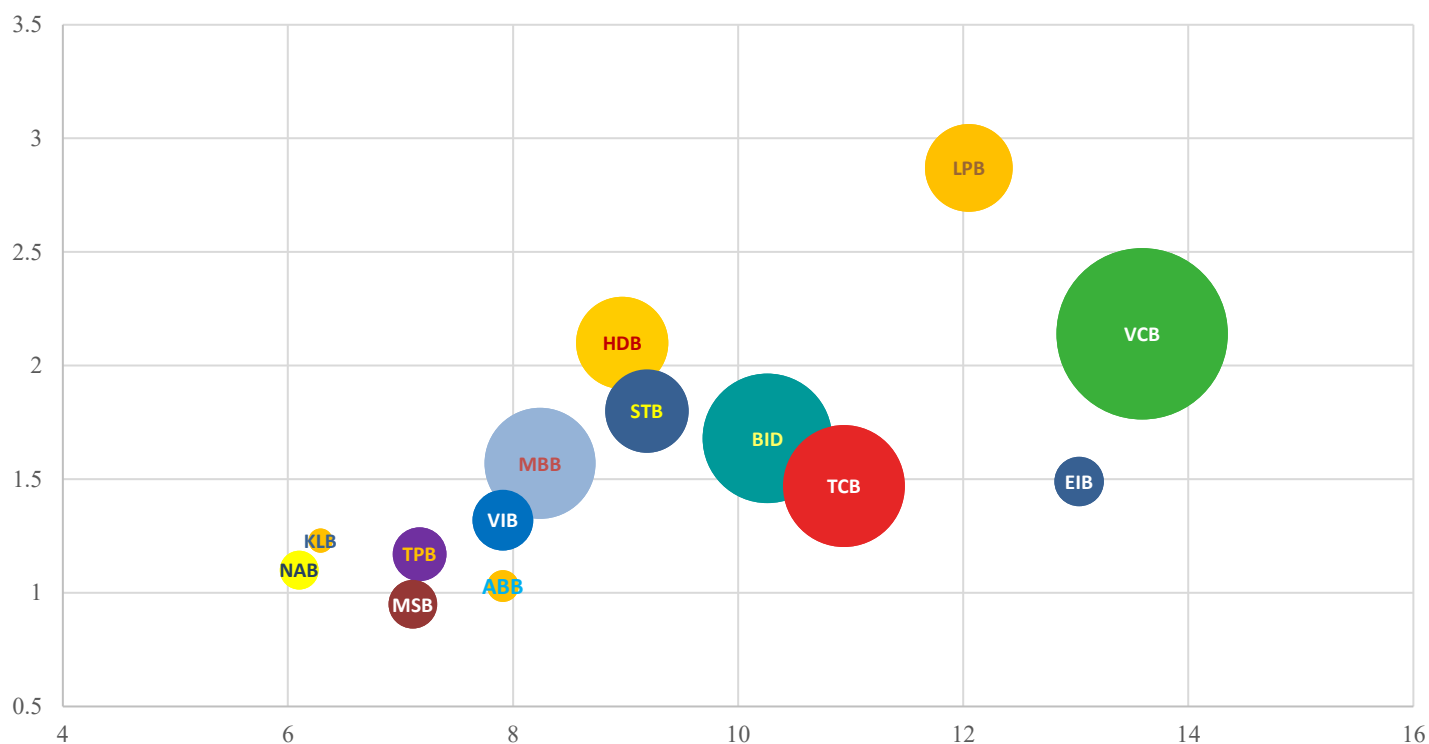
Hiện tại, với giá trị sổ sách/cổ phiếu đạt 15,300 đồng, ABB đang được giao dịch ở mức P/B 1.05 lần, cao hơn so với bình quân 05 năm. Tuy nhiên với những kỳ vọng về thu hẹp nợ xấu, cải thiện LLR; tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; CIR liên tục được tối ưu nhờ chuyển đổi số, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **MUA** với kỳ vọng về P/B cho cổ phiếu ABB ở mức 1.26 lần, giá mục tiêu 20,000 đồng/cổ phiếu, tương đương upside +24.2% với thời gian nắm giữ 12 tháng.

Bên cạnh yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, phương án phát hành thêm tỷ lệ 30% và câu chuyện “chuyển nhà” còn để ngỏ là những chất xúc tác cần thiết để cải thiện tâm lý của nhà đầu tư và động lượng của giá cổ phiếu.



Nguồn: FiinPro, CSI tổng hợp

Định giá P/B (trục tung), P/E (trục hoành) và vốn hóa của các ngân hàng



Nguồn: FiinPro, CSI tổng hợp



024 3926 0099



0886998288



online@vncai.com.vn



Hà Nội: Tầng 12A, ROX Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Thành phố Hà Nội



HCM: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	Q3/25 (TTM)
1. An toàn vốn						
Vốn cấp 1 (Tỷ VND)	8,099	10,636	11,934	12,293	12,704	14,514
Vốn cấp 2 (Tỷ VND)	913.57	1,145.42	1,567.06	2,057.75	2,336.02	2,112.76
Tài sản có rủi ro (Tỷ VND)	54,471	53,788	61,937	76,503	86,299	89,000
Tỷ lệ Vốn cấp 1	14.87%	19.77%	19.27%	16.07%	14.72%	16.31%
Tỷ lệ Vốn cấp 2	1.68%	2.13%	2.53%	2.69%	2.71%	2.37%
Tỷ lệ CAR	9.00%	12.80%	12.47%	11.00%	10.07%	
Tỷ lệ VCSH/ Tổng Tài sản	7.66%	9.70%	10.03%	8.32%	7.94%	7.74%
Tỷ lệ Vốn cấp 1 Trên Tổng tài sản	6.96%	8.80%	9.17%	7.58%	7.19%	7.09%
2. Chất lượng tài sản						
Chi phí dự phòng/lợi nhuận trước chi phí dự phòng	13.60%	16.47%	17.32%	34.58%	31.23%	22.52%
Dự phòng rủi ro tín dụng/Tổng cho vay khách hàng	1.07%	1.12%	1.27%	1.37%	1.75%	1.61%
Các khoản cho vay có vấn đề/Tổng VCSH và Dự phòng cho vay	13.77%	12.89%	16.80%	19.30%	23.47%	16.14%
Các khoản cho vay có vấn đề/Tổng cho vay khách hàng	2.09%	2.34%	2.88%	2.91%	3.74%	2.63%
Dự phòng cho vay/ Nợ xấu	53.27%	50.16%	43.39%	46.39%	46.21%	60.06%
Dự phòng rủi ro/ Cho vay khách hàng	1.11%	1.18%	1.25%	1.35%	1.73%	1.58%
Chi phí dự phòng rủi ro/ Cho vay khách hàng	0.54%	0.69%	0.68%	1.09%	0.87%	0.90%
Trái phiếu VAMC/ Cho vay khách hàng	2.42%	1.21%	0.00%	2.81%	4.15%	0.00%
Tiền gửi có kỳ hạn/ Tiền gửi khách hàng	81.56%	82.92%	87.29%	88.40%	87.41%	90.81%
Tỷ lệ CASA	17.24%	16.33%	11.88%	11.23%	12.12%	8.89%
3. Hiệu quả hoạt động						
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập hoạt động	63.09%	67.57%	83.94%	63.62%	67.14%	73.04%
Thu nhập ngoài lãi/ Thu nhập lãi thuần	58.51%	48.01%	19.13%	57.19%	48.93%	36.91%
Thu nhập phí thuần/Tổng thu nhập hoạt động	5.13%	7.77%	5.17%	17.27%	11.06%	-2.75%
Tỷ lệ CIR	49.23%	40.34%	44.73%	51.95%	52.31%	37.95%
Chi phí hoạt động/ Thu nhập lãi thuần	78.03%	59.71%	53.29%	81.66%	77.90%	51.96%
Thu nhập lãi/ Tổng thu nhập hoạt động	177.08%	142.58%	181.92%	241.35%	199.70%	189.91%
Thu nhập phí/ Tổng thu nhập hoạt động	10.16%	13.47%	20.77%	38.03%	19.45%	1.40%
Thu khác/ Tổng thu nhập hoạt động	3.81%	3.76%	7.73%	8.76%	13.62%	34.19%
Thu nhập cổ tức/ Tổng thu nhập hoạt động	-0.28%	1.85%	0.59%	2.25%	0.25%	0.23%
Chi phí lãi / Tổng chi phí	62.28%	53.99%	55.59%	62.23%	58.87%	61.11%
Chi phí của thu nhập từ phí/ Tổng chi phí	2.74%	4.11%	8.85%	7.27%	3.73%	2.17%
Chi phí SGA/ Tổng chi phí	26.90%	29.03%	25.38%	18.19%	23.23%	19.84%
Chi phí khác/Tổng chi phí	0.65%	1.02%	0.36%	0.21%	0.31%	5.10%
4. Chỉ số tăng trưởng						
Tài sản sinh lời (Tỷ VND)	111,462	116,616	123,719	157,103	171,599	199,115
Tài sản tạo thu nhập/ Tổng tài sản	95.78%	96.43%	95.06%	96.92%	97.11%	97.33%
Tài sản thanh khoản/ Tổng tiền gửi	64.89%	68.56%	48.30%	56.32%	71.89%	75.51%
Tài sản thanh khoản/ Tổng tài sản	40.43%	38.46%	31.22%	34.75%	36.91%	43.82%
Tiền gửi khách hàng/Tổng tài sản	62.31%	56.10%	64.64%	61.71%	51.34%	58.03%
Cho vay khách hàng/ Tổng tài sản	53.79%	56.37%	62.23%	59.71%	54.91%	51.75%
Cho vay khách hàng/(Tổng tiền gửi + Giấy tờ có giá)	86.32%	100.49%	96.27%	96.75%	106.96%	89.18%
Tiền gửi Khách hàng/ Tổng VCSH	813.66%	578.39%	644.47%	742.14%	646.87%	749.55%
Nợ xấu (3-5)/Tổng dư nợ	2.12%	2.37%	2.92%	2.95%	3.80%	2.67%
Nợ xấu (3-5)/VCSH	14.86%	13.78%	18.12%	21.20%	26.32%	17.87%



024 3926 0099



0886998288



online@vncsi.com.vn



Hà Nội: Tầng 12A, ROX Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng, Thành phố Hà Nội



HCM: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180 – 182 Nguyễn Công Trứ,
Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	Q3/25 (TTM)
Nợ xấu (2-5)/Tổng dư nợ	3.77%	5.30%	4.97%	4.62%	5.29%	3.64%
Nợ xấu (2-5)/VCSH	26.51%	30.79%	30.83%	33.14%	36.58%	24.31%
Suy giảm giá trị cho vay khách hàng & Dự phòng cho vay /Nợ xấu (3-5)	53.27%	50.16%	43.39%	46.39%	46.21%	60.06%
Suy giảm giá trị cho vay khách hàng & Dự phòng cho vay /Nợ xấu (2-5)	29.85%	22.45%	25.51%	29.68%	33.25%	44.14%
Tiền gửi Khách hàng/ Tổng tiền gửi	75.99%	77.32%	81.26%	78.47%	67.96%	74.44%
Cho vay Khách hàng/ Tổng nguồn vốn	702.34%	581.23%	620.41%	718.01%	691.89%	668.48%
Dư nợ cho vay/ Tiền gửi (LDR)	62.65%	69.58%	73.73%	68.57%	64.66%	58.42%
Tiền gửi không kỳ hạn/Cho vay TDH	237.21%	278.12%	402.97%	366.06%	365.29%	428.98%
(Tổng vốn - tài sản thanh khoản cao)/ Tổng Tài sản	-27.98%	-21.02%	-21.09%	-25.90%	-28.65%	-36.01%
5. Khả năng sinh lời						
Lãi suất đầu ra bình quân	9.43%	8.37%	9.04%	9.44%	7.23%	7.51%
Chênh lệch lãi suất	-0.63%	1.18%	0.69%	-3.44%	-1.38%	1.64%
Chi phí hoạt động/ Tổng tài sản sinh lời	1.79%	1.65%	1.71%	1.62%	1.47%	1.34%
NIM	2.26%	2.68%	3.12%	1.96%	1.83%	2.53%
Thu nhập lãi thuần/ Tài sản sinh lời	6.45%	5.85%	6.96%	7.51%	5.59%	6.72%
Lãi suất đầu vào bình quân	4.34%	3.20%	3.97%	5.95%	3.93%	4.41%
ROA trước dự phòng rủi ro	1.75%	2.28%	1.97%	1.43%	1.27%	2.12%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế và trước các khoản bất thường so với trung bình tổng tài sản	1.02%	1.31%	1.08%	0.31%	0.35%	1.07%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế và trước các khoản bất thường so với trung bình VCSH	13.34%	15.12%	10.95%	3.42%	4.26%	13.87%
Thu nhập ròng/ Tài sản có rủi ro	2.25%	2.88%	2.34%	0.66%	0.72%	2.35%
Thu nhập trước dự phòng/Trung bình Tài sản có rủi ro	3.85%	5.00%	4.28%	3.01%	2.65%	4.64%
ROE trước dự phòng rủi ro %	22.88%	26.22%	20.01%	15.70%	15.68%	27.34%
6. Tăng trưởng						
Trung bình tăng trưởng cho vay khách hàng (%YoY)	11.62%	8.92%	18.79%	19.51%	0.26%	9.06%
Trung bình tăng trưởng tiền gửi (%YoY)	4.22%	-6.44%	24.00%	18.91%	-9.31%	30.32%
Tăng trưởng chi phí hoạt động (%YoY)	-0.68%	-1.53%	9.65%	12.24%	4.99%	10.24%
Tăng trưởng thu nhập trước dự phòng (%YoY)	8.41%	41.18%	-8.37%	-15.97%	3.49%	145.22%
Tăng trưởng thu nhập lãi (%YoY)	-3.90%	28.68%	22.87%	-26.75%	10.04%	67.65%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi (%YoY)	20.05%	5.58%	-51.03%	118.94%	-5.84%	66.80%
Tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (%YoY)	3.74%	20.15%	-1.10%	-3.35%	4.27%	67.42%
Tăng trưởng tín dụng (%YoY)	10.22%	13.23%	12.71%	15.65%	7.49%	8.77%

Nguồn: FiinPro, CSI Research



024 3926 0099



0886998288



online@vncsi.com.vn



Hà Nội: Tầng 12A, ROX Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Thành phố Hà Nội



HCM: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI:

Email: csi.research@vncsi.com - Tel: (+84) 24 3926 0099 (109)

Thực hiện: Trung tâm nghiên cứu CSI

Email: tungla@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Lê Anh Tùng

Chuyên viên phân tích

Email: tungla@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Trưởng phòng Phân tích

Email: khanglec@vncsi.com.vn

Lê Đỗ Tuấn Minh

Chuyên viên phân tích

Email: minhltdt@vncsi.com.vn

Nguyễn Thị Vân

Trợ lý TTNC

Email: vannt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại) / giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng.

Các nhận định trong bản báo cáo này dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo, các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. CSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ thông tin hoặc ý kiến của báo cáo này. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 12A, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Website: <https://www.vncsi.com.vn>



024 3926 0099



0886998288



online@vncsi.com.vn



Hà Nội: Tầng 12A, ROX Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Thành phố Hà Nội



HCM: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh